

Giáo dục Việt Nam Cộng hòa

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Bước tới: [menu](#), [tìm kiếm](#)

Xem thêm: [Giáo dục Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#) và [Hệ thống Giáo dục Việt Nam](#).



📍 Mặt tiền tòa nhà hành chính [Viện Đại học Sài Gòn](#) - viện đại học lớn nhất [miền Nam Việt Nam](#) thời [Việt Nam Cộng hòa](#).

Giáo dục Việt Nam Cộng hòa là nền giáo dục [Việt Nam](#) dưới chính thể [Việt Nam Cộng hòa](#). Triết lý giáo dục của Việt Nam Cộng hòa là *nhân bản, dân tộc, và khai phóng*.^[1] [Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa](#) nhấn mạnh quyền tự do giáo dục, và cho rằng "nền giáo dục cơ bản có tính cách cưỡng bách và miễn phí", "nền giáo dục đại học được tự trị", và "những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn".^[2] Hệ thống giáo dục Việt Nam Cộng hòa gồm tiểu học, trung học, và đại học, cùng với một mạng lưới các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, và tư thục ở cả ba bậc học và hệ thống tổ chức [quản trị](#) từ trung ương cho tới địa phương.

Mục lục

- [1. Tổng quan](#)
- [2. Triết lý giáo dục](#)
- [3. Mục tiêu giáo dục](#)
- [4. Giáo dục tiểu học và trung học](#)
 - [4.1 Giáo dục tiểu học](#)
 - [4.2 Giáo dục trung học](#)
 - [4.3 Các trường tư thục và quốc gia nghĩa tử](#)
- [5. Giáo dục đại học](#)
 - [5.1 Mô hình các cơ sở giáo dục đại học](#)
 - [5.2 Các viện đại học công lập](#)
 - [5.3 Các viện đại học tư thục](#)
 - [5.4 Các học viện và viện nghiên cứu](#)
 - [5.5 Các trường đại học cộng đồng](#)
 - [5.6 Các trường kỹ thuật và huấn nghệ](#)
 - [5.7 Các trường nghệ thuật](#)
 - [5.8 Sinh viên du học ngoại quốc](#)
- [6. Tài liệu và dụng cụ giáo khoa](#)
- [7. Nhà giáo](#)
 - [7.1 Đào tạo giáo chức](#)
 - [7.2 Đời sống và tinh thần giáo chức](#)
- [8. Thi cử và đánh giá kết quả học tập](#)
- [9. Tổ chức quản trị](#)
 - [9.1 Hệ thống quản trị giáo dục](#)
 - [9.2 Giáo dục là của những người làm giáo dục](#)
 - [9.3 Các kỳ đại hội giáo dục quốc gia](#)
 - [9.4 Một số nhà lãnh đạo giáo dục tiêu biểu](#)
- [10. Trợ giúp của quốc tế](#)
- [11. Chữ viết](#)
- [12. Đánh giá](#)
- [13. Xem thêm](#)
- [14. Chú thích](#)
- [15. Tài liệu tham khảo](#)
- [16. Liên kết ngoài](#)

1. Tổng quan

Từ năm [1917](#), [chính quyền thuộc địa Pháp](#) ở [Việt Nam](#) đã có một hệ thống giáo dục thống nhất cho cả ba miền Nam, Trung, Bắc, và cả [Lào](#) cùng [Cao Miên](#). Hệ thống giáo dục thời Pháp thuộc có ba bậc: tiểu học, trung học, và đại học. Chương trình học là chương trình của Pháp, với một chút sửa đổi nhỏ áp dụng cho các cơ sở giáo dục ở Việt Nam, dùng [tiếng Pháp](#) làm ngôn ngữ chính, [tiếng Việt](#) chỉ là ngôn ngữ phụ. Sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập vào năm [1945](#), [chương trình học](#) của Việt Nam - còn gọi là chương trình [Hoàng Xuân Hãn](#) (ban hành thời chính phủ [Trần Trọng Kim](#)) - được đem ra áp dụng ở miền Trung và miền Bắc. Riêng ở miền Nam, vì có sự trở lại của người Pháp nên chương trình Pháp vẫn còn tiếp tục cho đến giữa thập niên [1950](#). Đến thời [Đệ nhất Cộng hòa](#) thì chương trình Việt mới được áp dụng ở miền Nam để thay thế cho chương trình Pháp. Cũng từ đây, các nhà lãnh đạo giáo dục Việt Nam mới có cơ hội đóng vai trò lãnh đạo thực sự của mình.^[3]

Ngay từ những ngày đầu hình thành nền [Đệ nhất Cộng hòa](#), những người làm công tác giáo dục ở miền Nam đã xây dựng được nền móng quan trọng cho nền giáo dục quốc gia, tìm ra câu trả lời cho những vấn đề giáo dục cốt yếu. Những vấn đề đó là: [triết lý giáo dục](#), [mục tiêu giáo dục](#), chương trình học, tài liệu giáo khoa và phương tiện học tập, vai trò của nhà giáo, cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học, đánh giá kết quả học tập, và tổ chức [quản trị](#).^[4] Nhìn chung, người ta thấy mô hình giáo dục ở [miền Nam Việt Nam](#) trong những năm 1970 có khuynh hướng xa dần ảnh hưởng của [Pháp](#) vốn chú trọng đào tạo một số ít phần tử ưu tú trong xã hội và có khuynh hướng thiên về [lý thuyết](#), để chấp nhận mô hình giáo dục [Hoa Kỳ](#) có tính cách đại chúng và thực tiễn. Năm học 1973-1974, [Việt Nam Cộng hòa](#) có một phần năm (20%) dân số là học sinh và sinh viên đang đi học trong các cơ sở giáo dục. Con số này bao gồm 3.101.560 học sinh tiểu học, 1.091.779 học sinh trung học, và 101.454 sinh viên đại học; số người biết đọc biết viết ước tính khoảng 70% dân số.^[3] Đến năm [1975](#), tổng số sinh viên trong các viện đại học ở miền Nam là khoảng 150.000 người (không tính các sinh viên theo học ở [Học viện Quốc gia Hành chính](#) và ở các trường đại học cộng đồng).^[5]

Mặc dù tồn tại chỉ trong 20 năm (từ [1955](#) đến [1975](#)), bị ảnh hưởng nặng nề bởi [chiến tranh](#) và những bất ổn chính trị thường xảy ra, phần thì ngân sách eo hẹp do phần lớn ngân sách quốc gia phải dành cho quốc phòng và nội vụ (trên 40% ngân sách quốc gia dành cho quốc phòng, khoảng 13% cho nội vụ, chỉ khoảng 7-7,5% cho giáo dục), nền giáo dục [Việt Nam Cộng hòa](#) đã phát triển vượt bậc, đáp ứng được nhu cầu gia tăng nhanh chóng của người dân, đào tạo được một lớp người có học vấn và có khả năng chuyên môn đóng góp vào việc xây dựng quốc gia và tạo được sự nghiệp vững chắc ngay cả ở các quốc gia phát triển. Kết quả này có được là nhờ các nhà giáo có ý thức rõ ràng về sứ mạng giáo dục, có ý thức trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp, đã sống cuộc sống khiêm nhường để đóng góp trọn vẹn cho nghề nghiệp, nhờ nhiều bậc phụ huynh đã đóng góp công sức cho việc xây dựng nền giáo dục quốc gia, và nhờ những nhà lãnh đạo giáo dục đã có những ý tưởng, sáng kiến, và nỗ lực mang lại sự tiến bộ cho nền giáo dục ở [miền Nam Việt Nam](#).^[3]

2. Triết lý giáo dục

Năm [1958](#), dưới thời Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục [Trần Hữu Thế](#), [Việt Nam Cộng hòa](#) nhóm họp Đại hội Giáo dục Quốc gia (lần I) tại [Sài Gòn](#). Đại hội này quy tụ nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, đại diện của quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật... Ba nguyên tắc "nhân bản" (*humanistic*), "dân tộc" (*nationalistic*), và "khai phóng" được chính thức hóa ở hội nghị này.^{[6][7]} Đây là những nguyên tắc làm nền tảng cho triết lý giáo dục của [Việt Nam Cộng hòa](#), được ghi cụ thể trong tài liệu *Những nguyên tắc căn bản* do Bộ Quốc gia Giáo dục ấn hành năm [1959](#) và sau đó trong [Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa](#) (1967).

1. **Giáo dục Việt Nam là giáo dục nhân bản.** Triết lý nhân bản chủ trương con người có địa vị quan trọng trong thế gian này; lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản; xem con người như một cứu cánh chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ

cho mục tiêu của bất cứ cá nhân, đảng phái, hay tổ chức nào khác. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân, nhưng không chấp nhận việc sử dụng sự khác biệt đó để đánh giá con người, và không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.

2. **Giáo dục Việt Nam là giáo dục dân tộc.** Giáo dục tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp, và quốc gia. Giáo dục phải bảo tồn và phát huy được những tinh hoa hay những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Dân tộc tính trong văn hóa cần phải được các thế hệ biết đến, bảo tồn và phát huy, để không bị mất đi hay tan biến trong những nền văn hóa khác.
3. **Giáo dục Việt Nam là giáo dục khai phóng.** Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng cửa. Ngược lại, giáo dục phải mở rộng, tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, giá trị văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia và xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới.^[1]

3. Mục tiêu giáo dục



Một lớp tiểu học ở [miền Nam](#) vào năm [1961](#).

Từ những nguyên tắc căn bản ở trên, chính quyền [Việt Nam Cộng hòa](#) đề ra những mục tiêu chính sau đây cho nền giáo dục của mình. Những mục tiêu này được đề ra là để nhằm trả lời cho câu hỏi: Sau khi nhận được sự giáo dục, những người đi học sẽ trở nên người như thế nào đối với cá nhân mình, đối với gia đình, quốc gia, xã hội, và nhân loại?

1. **Phát triển toàn diện mỗi cá nhân.** Trong tinh thần tôn trọng [nhân cách](#) và giá trị của cá nhân học sinh, giáo dục hướng vào việc phát triển toàn diện mỗi cá nhân theo bản tính tự nhiên của mỗi người và theo những quy luật phát triển tự nhiên cả về thể chất lẫn tâm lý. Nhân cách và khả năng riêng của học sinh được lưu ý đúng mức. Cung cấp cho học sinh đầy đủ thông tin và dữ kiện để học sinh phán

đoán, lựa chọn; không che giấu thông tin hay chỉ cung cấp những thông tin chọn lọc thiếu trung thực theo một chủ trương, hướng đi định sẵn nào.

2. **Phát triển tinh thần quốc gia ở mỗi học sinh.** Điều này thực hiện bằng cách: giúp học sinh hiểu biết hoàn cảnh xã hội, môi trường sống, và lối sống của người dân; giúp học sinh hiểu biết lịch sử nước nhà, yêu thương xứ sở mình, ca ngợi tinh thần đoàn kết, tranh đấu của người dân trong việc chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc; giúp học sinh học [tiếng Việt](#) và sử dụng tiếng Việt một cách có hiệu quả; giúp học sinh nhận biết nét đẹp của quê hương xứ sở, những tài nguyên phong phú của quốc gia, những phẩm hạnh truyền thống của dân tộc; giúp học sinh bảo tồn những truyền thống tốt đẹp, những phong tục giá trị của quốc gia; giúp học sinh có tinh thần tự tin, tự lực, và tự lập.
3. **Phát triển tinh thần dân chủ và tinh thần khoa học.** Điều này thực hiện bằng cách: giúp học sinh tổ chức những nhóm làm việc độc lập qua đó phát triển tinh thần [công đồng](#) và ý thức tập thể; giúp học sinh phát triển óc phán đoán với tinh thần trách nhiệm và kỷ luật; giúp phát triển tính tò mò và tinh thần khoa học; giúp học sinh có khả năng tiếp nhận những giá trị văn hóa của [nhân loại](#).^[1]

4. Giáo dục tiểu học và trung học

Bài chi tiết: [Chương trình học bậc tiểu học và trung học thời Việt Nam Cộng hòa](#) và [Các cơ sở trung và tiểu học thời Việt Nam Cộng hòa](#)

4.1 Giáo dục tiểu học

Số liệu giáo dục bậc tiểu học^[8]

Niên học	Số học sinh	Số lớp học
1955	400.865	8.191
1963	1.450.679	30.123
1964	1.554.063 ^[9]	
1970	2.556.000	44.104

Bậc [tiểu học](#) thời Việt Nam Cộng hòa bao gồm năm lớp, từ lớp 1 đến lớp 5 (thời [Đệ nhất Cộng hòa](#) gọi là lớp Năm đến lớp Nhất). Theo quy định của [hiến pháp](#), giáo dục tiểu học là [giáo dục phổ cập](#) (bắt buộc).^[10] Từ thời [Đệ nhất Cộng hòa](#) đã có luật quy định trẻ em phải đi học ít nhất ba năm tiểu học.^[11] Mỗi năm học sinh phải thi để lên lớp. Ai thi trượt phải học "đúp", tức học lại lớp đó. Các trường công lập đều hoàn toàn miễn phí, không thu [học phí](#) và các khoản lệ phí khác. Học sinh tiểu học chỉ học một buổi, sáu ngày mỗi tuần. Theo quy định, một ngày được chia ra 2 ca học; ca học buổi sáng và ca học buổi chiều. Vào đầu thập niên 1970, [Việt Nam Cộng hòa](#) có 2,5 triệu học sinh tiểu học, chiếm hơn 80% tổng số thiếu niên từ 6 đến 11 tuổi;^[12] 5.208 trường tiểu học (chưa kể các cơ sở ở [Phú Bổn](#), [Vĩnh Long](#), và [Sa Đéc](#)).^[13]

Tất cả trẻ em từ 6 tuổi đều được nhận vào lớp Một để bắt đầu bậc tiểu học. Phụ huynh có thể chọn lựa cho con em vào học miễn phí cho hết bậc tiểu học trong các trường công lập hay tốn học phí (tùy trường) tại các trường tiểu học tư thục.^[14] Lớp 1 (trước năm 1967 gọi là lớp Năm) cấp tiểu học mỗi tuần học 25 giờ, trong đó 9,5 giờ môn quốc văn; 2 giờ bổn phận công dân và đức dục (còn gọi là lớp Công dân giáo dục).^[15] Lớp 2 (trước năm 1967 gọi là lớp Tư), [quốc văn](#) giảm còn 8 tiếng nhưng thêm 2 giờ sử ký và địa lý. Lớp 3 trở lên thì ba môn quốc văn, công dân và sử địa chiếm 12-13 tiếng mỗi tuần.^[16] Một năm học kéo dài chín tháng, nghỉ ba tháng [hè](#). Trong năm học có khoảng 10 ngày nghỉ lễ (thông thường vào những ngày áp [Tết](#)).^[17]

4.2 Giáo dục trung học

Bài chi tiết: [Hệ thống giáo dục kỹ thuật thời Việt Nam Cộng hòa](#)

Tên gọi năm lớp bậc tiểu học

trước 1967	sau 1967
lớp năm	lớp một
lớp tư	lớp hai
lớp ba	lớp ba
lớp nhì	lớp tư
lớp nhất	lớp năm

Tên các lớp bậc trung học đệ nhất cấp

lớp đệ thất	lớp sáu
lớp đệ lục	lớp bảy
lớp đệ ngũ	lớp tám
lớp đệ tứ	lớp chín

Tên các lớp trung học đệ nhị cấp

lớp đệ tam	lớp mười
lớp đệ nhị	lớp 11
lớp đệ nhất	lớp 12

Tính đến đầu những năm 1970, Việt Nam Cộng hòa có hơn 550.000 học sinh trung học, tức hơn 20% tổng số thanh thiếu niên ở lứa tuổi từ 12 đến 18;^[18] có 534 trường trung học (chưa kể các cơ sở ở [Vĩnh Long](#) và [Sa Đéc](#)).^[13] Đến năm 1975 thì có khoảng 900.000 học sinh ở các trường trung học công lập. Các trường trung học công lập nổi tiếng thời đó có [Pétrus Ký](#), [Chu Văn An](#), [Trung Vương](#), [Gia Long](#), [Lê Quý Đôn](#) (Sài Gòn), [Quốc Học \(Huế\)](#), [Nguyễn Đình Chiểu \(Mỹ Tho\)](#), [Phan Thanh Giản \(Cần Thơ\)](#). Các trường công lập đều hoàn toàn miễn phí, không thu học phí và các khoản lệ phí khác.

Trung học đệ nhất cấp

Trung học đệ nhất cấp bao gồm năm lớp 6 đến lớp 9 (trước năm [1967](#) gọi là lớp đệ thất đến đệ tứ), tương đương trung học cơ sở hiện nay. Từ tiểu học phải thi vào trung học đệ nhất cấp. Đâu vào trường trung học công lập không dễ (tỷ số vào trường công là 62%),^[19] nên những ai không vào được thì có thể nhập học trường tư thục nhưng phải trả học phí. Một năm học được chia thành hai "lục cá nguyệt" (hay "học kỳ"). Kể từ lớp 6, học sinh bắt đầu phải học ngoại ngữ, thường là [tiếng Anh](#) hay [tiếng Pháp](#). Môn Công dân giáo dục tiếp tục với lượng 2 giờ mỗi tuần.^[20] Từ năm 1966 trở đi, môn võ [Vovinam](#) (tức Việt Võ đạo) cũng được đưa vào giảng dạy ở một số trường.^[21] Học xong năm lớp 9 thì thi bằng *Trung học đệ nhất cấp*. Kỳ thi này thoát tiên có hai phần: viết và vấn đáp. Năm 1959 bỏ phần vấn đáp^[22] rồi đến niên học 1970-71 thì Bộ Quốc gia Giáo dục bãi bỏ hẳn kỳ thi Trung học đệ nhất cấp.^[23]

Trung học đệ nhị cấp

Trung học đệ nhị cấp là các lớp 10 (đệ tam), 11 (đệ nhị) và 12 (đệ nhất), tương đương trung học phổ thông hiện nay. Muốn vào thì phải đậu được bằng Trung học đệ nhất cấp, tức bằng Trung học cơ sở. Vào đệ nhị cấp, học

sinh phải chọn học theo một trong bốn ban như dự bị vào đại học.^[24] Bốn ban thường gọi A, B, C, D theo thứ tự là [khoa học thực nghiệm](#) hay còn gọi là ban [vạn vật](#); ban [toán](#); ban [văn chương](#); và ban văn chương cổ ngữ, thường là [Hán văn](#). Ngoài ra học sinh cũng bắt đầu học thêm một ngoại ngữ thứ hai.^[25] Vào năm lớp 11 thì học sinh phải thi [Tú tài I](#) rồi thi [Tú tài II](#) năm lớp 12. Thể lệ này đến năm học [1972-1973](#) thì bỏ, chỉ thi một đợt [tú tài phổ thông](#). Phép thi kể từ năm [1973](#) cũng bỏ lối viết bài luận (*essay*) mà theo lối thi [trắc nghiệm](#) có tính cách khách quan hơn.^[26] Mỗi năm có hai đợt thi Tú tài tổ chức vào khoảng tháng 5 và tháng 7.^[27] Tỷ lệ đậu, Tú tài I (15-30%) và Tú tài II (30-45%),^[28] khá thấp nên vào được đại học là một chuyện khó. Thí sinh đầu được xếp thành hạng "ưu" (16/20 điểm trở lên), "bình" (14/20), "bình thứ" (12/20), và "thứ" (10/20).^[29] Một số trường trung học đệ nhị cấp chia theo phái tính như ở [Sài Gòn](#) thì có trường [Pétrus Ký](#), [Chu Văn An](#), và [Nguyễn Trãi](#) dành cho nam sinh và các trường [Trung Vương](#), [Gia Long](#), và [Lê Văn Duyệt](#) chỉ dành cho nữ sinh. Học sinh trung học lúc bấy giờ phải mặc đồng phục: Nữ sinh thì [áo dài](#) trắng, quần trắng hay đen; còn nam sinh thì mặc [áo sơ mi](#) trắng, quần màu lam.^[30]

Trung học tổng hợp

Chương trình giáo dục trung học tổng hợp ([tiếng Anh](#): *comprehensive high school*) là một chương trình giáo dục thực tiễn phát sinh từ quan niệm giáo dục của triết gia [John Dewey](#), sau này được nhà giáo dục [người Mỹ](#) là James B. Connant hệ thống hóa và đem áp dụng cho các trường trung học [Hoa Kỳ](#). Giáo dục trung học tổng hợp chú trọng đến khía cạnh thực tiễn và hướng nghiệp, đặt nặng vào các môn tư vấn, kinh tế gia đình, kinh doanh, công-kỹ nghệ, v.v... nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức thực tiễn, giúp họ có thể mưu sinh sau khi rời trường trung học. Ở từng địa phương, phụ huynh học sinh và các nhà giáo có thể đề nghị những môn học đặc thù khả dĩ có thể đem ra ứng dụng ở nơi mình sinh sống.^[31] Thời [Đệ nhị Cộng hòa Việt Nam](#) chính phủ cho thử nghiệm chương trình trung học tổng hợp, nhập đệ nhất và đệ nhị cấp lại với nhau. Học trình này được áp dụng cho một số trường như [Nguyễn An Ninh](#) (cho nam sinh; 93 đường Trần Nhân Tông, Quận 10) và [Sương Nguyệt Anh](#) (cho nữ sinh; góc đường Bà Hạt và Vĩnh Viễn, gần [chùa Ân Quang](#)) ở [Sài Gòn](#), và [Chương binh Lê](#) ở [Long Xuyên](#).^[32]

Số liệu giáo dục bậc trung học^[8]

Niên học Số học sinh Số lớp học

1955	51.465	890
1963	264.866	4.831
1964	291.965 ^[9]	
1970	623.000	9.069

Trung học kỹ thuật

Các trường trung học kỹ thuật nằm trong hệ thống giáo dục kỹ thuật, kết hợp việc dạy nghề với giáo dục phổ thông. Các học sinh trúng tuyển vào trung học kỹ thuật thường được cấp học bổng toàn phần hay bán phần. Mỗi tuần học 42 giờ; hai môn ngoại ngữ bắt buộc là [tiếng Anh](#) và [tiếng Pháp](#).^[33] Các trường trung học kỹ thuật có mặt hầu hết ở các tỉnh, thành phố; ví dụ, công lập thì có Trường Trung học Kỹ thuật Cao Thắng (thành lập năm [1956](#); tiền thân là Trường Cơ khí Á châu thành lập năm [1906](#) ở [Sài Gòn](#); nay là [Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng](#)),^[34] tư thục thì có Trường Trung học Kỹ thuật Don Bosco (do các tu sĩ Dòng [Don Bosco](#) thành lập năm [1956](#) ở [Gia Định](#); nay là [Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh](#)).^{[33][35]}

4.3 Các trường tư thục và quốc gia nghĩa tử

Bài chi tiết: [Hệ thống các trường Bồ đề](#) và [Hệ thống các trường Quốc gia nghĩa tử](#)
Các trường tư thục và Bồ đề

Ngoài hệ thống trường công lập của chính phủ là hệ thống trường tư thục. Vào năm 1964 các trường tư thục giáo dục 28% trẻ em tiểu học và 62% học sinh trung học.^[9] Tính đến năm 1975, Việt Nam Cộng hòa có khoảng 1,2 triệu học sinh ghi danh học ở hơn 1.000 trường tư thục ở cả hai cấp tiểu học và trung học.^[36] Các trường tư thục nổi tiếng như [Lasan Taberd](#) dành cho nam sinh; Couvent des Oiseaux, Regina Pacis (Nữ vương Hòa bình), và Regina Mundi (Nữ vương Thế giới) dành cho nữ sinh. Bốn trường này nằm dưới sự điều hành của [Giáo hội Công giáo](#). Trường Bác ái (Collège Fraternité) ở Chợ Quán với đa số học sinh là [người Việt gốc Hoa](#) cũng là một tư thục có tiếng do các thương hội người Hoa bảo trợ.^[37] [Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất](#) có [hệ thống các trường tiểu học và trung học Bồ đề](#) ở nhiều tỉnh thành, tính đến năm 1970 trên toàn quốc có 137 trường Bồ đề, trong đó có 65 trường trung học với tổng số học sinh là 58.466. Ngoài ra còn có một số trường do chính phủ [Pháp](#) tài trợ như [Marie-Curie](#), Colette, và Saint-Exupéry.^[38] Kể từ năm 1956, tất cả các trường học tại Việt Nam, bất kể trường tư hay trường do ngoại quốc tài trợ, đều phải dạy một số giờ nhất định cho các môn quốc văn và lịch sử Việt Nam.^[39] Chương trình học chính trong các trường tư vẫn theo chương trình mà Bộ Quốc gia Giáo dục đã đề ra, dù có thể thêm một số giờ hoặc môn kiến thức thêm. Sau năm 1975, dưới chính thể [Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](#), tổng cộng có 1.087 trường tư thục ở [miền Nam Việt Nam](#) bị giải thể và trở thành trường công (hầu hết mang tên mới).^[40]

Các trường Quốc gia nghĩa tử

Ngoài hệ thống các trường công lập và tư thục kể trên, Việt Nam Cộng hòa còn có hệ thống thứ ba là các trường Quốc gia nghĩa tử. Tuy đây là trường công lập nhưng không đón nhận học sinh bình thường mà chỉ dành riêng cho các con em của [tử sĩ](#) hoặc [thương phế binh](#) của [Quân lực Việt Nam Cộng hòa](#) như là một đặc ân của chính phủ giúp đỡ không chỉ phương tiện học hành mà cả việc nuôi dưỡng. Hệ thống này bắt đầu hoạt động từ năm 1963 ở [Sài Gòn](#), sau khai triển thêm ở [Đà Nẵng](#), [Cần Thơ](#), [Huế](#), và [Biên Hòa](#). Tổng cộng có 7 cơ sở với hơn 10.000 học sinh. Loại trường này do Bộ Cựu Chiến binh quản lý chứ không phải Bộ Quốc gia Giáo dục, nhưng vẫn dùng giáo trình của Bộ Quốc gia Giáo dục. Chủ đích của các trường Quốc gia nghĩa tử là giáo dục phổ thông và hướng nghiệp cho các học sinh chứ không được huấn luyện quân sự.^{[41][42]} Vì vậy trường Quốc gia nghĩa tử khác trường [thiếu sinh quân](#). Sau năm 1975, các trường quốc gia nghĩa tử cũng bị giải thể.

5. Giáo dục đại học

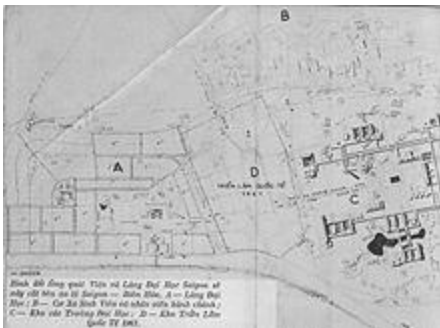
Số liệu giáo dục bậc đại học

Niên học	Số sinh viên
1960-61	11.708 ^[43]
1962	16.835 ^[9]
1964	20.834 ^[9]
1974-75	166.475 ^[44]

Học sinh đậu được **Tú tài II** thì có thể ghi danh vào học ở một trong các **viện đại học**, **trường đại học**, và **học viện** trong nước. Tuy nhiên vì số chỗ trong một số trường rất có giới hạn nên học sinh phải dự một kỳ thi tuyển; các trường này thường là **Y**, **Dược**, **Nha**, **Kỹ thuật**, và **Sư phạm**. Việc tuyển chọn dựa trên khả năng của thí sinh, hoàn toàn không xét đến **lý lịch** gia đình. Sinh viên học trong các cơ sở giáo dục công lập thì không phải đóng tiền. Chỉ ở một vài trường hay phân khoa đại học thì sinh viên mới đóng lệ phí thi vào cuối năm học. Ngoài ra, chính phủ còn có những chương trình học bổng cho sinh viên.^[14]

Chương trình học trong các cơ sở giáo dục **đại học** được chia làm ba cấp. Cấp 1 (học 4 năm): Nếu theo hướng các ngành **nhân văn**, **khoa học**, v.v.. thì lấy **bằng cử nhân** (ví dụ: cử nhân Triết, cử nhân Toán...); nếu theo hướng các ngành chuyên nghiệp thì lấy **bằng tốt nghiệp** (ví dụ: bằng tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm, bằng tốt nghiệp Học viện Quốc gia Hành chính...) hay **bằng kỹ sư** (ví dụ: kỹ sư Điện, kỹ sư Canh nông...). Cấp 2: học thêm 1-2 năm và thi lấy **bằng cao học** hay **tiến sĩ đệ tam cấp** (**tiếng Pháp**: *docteur de troisième cycle*; tương đương **thạc sĩ** ngày nay). Cấp 3: học thêm 2-3 năm và làm luận án thì lấy **bằng tiến sĩ** (tương đương với bằng Ph.D. của Hoa Kỳ). Riêng ngành y, vì phải có thời gian thực tập ở bệnh viện nên sau khi học xong chương trình dự bị y khoa phải học thêm 6 năm hay lâu hơn mới xong chương trình đại học.^[45]

5.1 Mô hình các cơ sở giáo dục đại học



Bài chi tiết: [Đại học](#)

Sơ đồ Làng Đại học thuộc **Viện Đại học Sài Gòn** dự kiến xây dựng ở **Thủ Đức**

Phần lớn các cơ sở giáo dục **đại học** Việt Nam thời Việt Nam Cộng hòa được tổ chức theo mô hình **viện đại học** (theo Việt-Nam Tự-Điền của **Hội Khai Trí Tiến Đức**: *Viện*=Nơi, sở). Đây là mô hình tương tự như *university* của **Hoa Kỳ** và **Tây Âu**, cùng với nó là hệ thống đào tạo theo *tín chỉ* (**tiếng Anh**: *credit*). Mỗi viện đại học bao gồm nhiều **phân khoa đại học** (**tiếng Anh**: *faculty*; thường gọi tắt là *phân khoa*, ví dụ: Phân khoa Y, Phân khoa Sư phạm, Phân khoa Khoa học, v.v...) hoặc **trường** hay **trường đại học** (**tiếng**

Anh: *school* hay *college*; ví dụ: Trường Đại học Nông nghiệp, Trường Đại học Kỹ thuật, v.v...). Trong mỗi phân khoa đại học hay trường đại học có các **ngành** (ví dụ: ngành Điện tử, ngành Công chánh, v.v...); về mặt tổ chức, mỗi ngành tương ứng với một **ban** (**tiếng Anh**: *department*; tương đương với đơn vị **khoa** hiện nay).^[46]

Trong hai thập niên 1960 và 1970, lúc **hội nghị hòa bình** đang diễn ra ở Paris, chính phủ **Việt Nam Cộng hòa** ráo riết lên kế hoạch tái thiết sau chiến tranh, với viễn cảnh là hòa bình sẽ lập lại ở Việt Nam, một chính phủ liên hiệp sẽ được thành lập, người lính từ các bên trở về cần được đào tạo để tái hòa nhập vào xã hội. Trong khuôn khổ kế hoạch đó, có hai mô hình cơ sở giáo dục đại học mới và mang tính thực tiễn được hình thành, đó là **trường đại học cộng đồng** và **viện đại học bách khoa**.^[47]

Trường đại học cộng đồng là một cơ sở giáo dục đại học sơ cấp và đa ngành; sinh viên học ở đây để chuyển tiếp lên học ở các viện đại học lớn, hoặc mở mang kiến thức, hoặc học nghề để ra làm việc. Các trường đại học cộng đồng được thành lập với sự tham gia đóng góp, xây dựng, và quản trị của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ở địa phương trong các mặt [văn hóa](#), [xã hội](#), và [kinh tế](#). Khởi điểm của mô hình giáo dục này là một [nghiên cứu](#) của ông [Đỗ Bá Khê](#) tiến hành vào năm [1969](#) mà các kết quả sau đó được đưa vào một [luận án](#) tiến sĩ trình ở [Viện Đại học Southern California](#) vào năm [1970](#) với tựa đề *The Community College Concept: A Study of its Relevance to Postwar Reconstruction in Vietnam* (Khái niệm trường đại học cộng đồng: Nghiên cứu sự phù hợp của nó với công cuộc tái thiết hậu chiến ở Việt Nam). Cơ sở đầu tiên được hình thành là Trường Đại học Cộng đồng Tiền Giang, thành lập vào năm [1971](#) ở [Định Tường](#) sau khi mô hình giáo dục mới này được mang đi trình bày sâu rộng trong dân chúng.^[47]

Vào năm [1973](#), [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#) (tên [tiếng Anh](#): *Thủ Đức Polytechnic University*, gọi tắt là *Thủ Đức Poly*) được thành lập. Đây là một cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực, và chú trọng đến các ngành thực tiễn. Trong thời gian đầu, Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức có các trường đại học chuyên về [Nông nghiệp](#), [Kỹ thuật](#), [Giáo dục](#), [Khoa học](#) và [Nhân văn](#), [Kinh tế](#) và [Quản trị](#), và [Thiết kế đô thị](#); ngoài ra còn có trường đào tạo sau đại học. Theo kế hoạch, các cơ sở giáo dục đều được gom chung lại trong một khuôn viên rộng lớn, tạo một môi trường gợi hứng cho trí thức suy luận, với một cảnh trí được thiết kế nhằm nâng cao óc sáng tạo; quản lý hành chính tập trung để tăng hiệu năng và giảm chi phí.^[47]

Sau năm [1975](#), dưới chính thể [Công hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](#), toàn bộ các cơ sở giáo dục đại học thời Việt Nam Cộng hòa bị đổi tên và bị phân tán theo khuôn mẫu giáo dục của [Liên Xô](#) nên không còn mô hình theo đó các trường hay phân khoa đại học cấu thành viện đại học, mà mỗi trường trở nên biệt lập.^[48] Giáo dục đại học Việt Nam dưới các chính thể [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#) và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo mô hình phân tán ngành học.^[49] Các "trường đại học bách khoa" được thành lập dưới hai chính thể này ([Trường Đại học Bách khoa Hà Nội](#), [Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh](#), và [Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng](#)) không giống như mô hình *viện đại học bách khoa* vì chỉ tập trung vào các ngành [kỹ thuật](#). Tương tự, mô hình "trường đại học tổng hợp" ([Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội](#), [Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh](#), và [Trường Đại học Tổng hợp Huế](#)) cũng chỉ tập trung vào các ngành [khoa học](#) cơ bản, chứ không mang tính chất toàn diện. Đến đầu thập niên [1990](#), chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam mới thành lập 2 "đại học" cấp quốc gia và 3 "đại học" cấp vùng theo mô hình gần giống như mô hình *viện đại học*.^[50] Vào tháng 10 năm [2009](#), một số đại biểu của [Quốc hội](#) nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đưa ra đề nghị gọi tên các "đại học" cấp quốc gia và cấp vùng là "viện đại học".^[51]

5.2 Các viện đại học công lập

Bài chi tiết: [Viện Đại học Sài Gòn](#), [Viện Đại học Huế](#), [Viện Đại học Cần Thơ](#), và [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#)

- [Viện Đại học Sài Gòn](#): Tiền thân là [Viện Đại học Đông Dương](#) (1906), rồi [Viện Đại học Quốc gia Việt Nam](#) (1955) - còn có tên là Viện Đại học Quốc gia Sài Gòn. Năm [1957](#), Viện Đại học Quốc gia Việt Nam đổi tên thành Viện Đại học Sài Gòn. Đây là viện đại học lớn nhất nước. Trước năm 1964, [tiếng Việt](#) lẫn [tiếng Pháp](#) được dùng để giảng dạy ở bậc đại học, nhưng sau đó thì chỉ dùng tiếng Việt mà thôi theo chính sách ngôn ngữ theo đuổi từ năm 1955.^[52] Riêng [Trường Đại học Y khoa](#) dùng cả [tiếng Anh](#). Vào thời điểm năm 1970, hơn 70% sinh viên đại học trên toàn quốc ghi danh học ở Viện Đại học Sài Gòn.^[53]
- [Viện Đại học Huế](#): Thành lập vào tháng 3 năm [1957](#) với 5 phân khoa đại học: Khoa học, Luật, Sư phạm, Văn khoa, và Y khoa.^[54]
- [Viện Đại học Cần Thơ](#): Thành lập năm [1966](#) với 4 phân khoa đại học: Khoa học, Luật khoa & Khoa học Xã hội, Sư phạm, và Văn khoa.
- [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#): Thành lập năm 1974. Tiền thân là Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật (1957), Học viện Quốc gia Kỹ thuật (1972).

5.3 Các viện đại học tư thực

Bài chi tiết: [Viện Đại học Đà Lạt](#), [Viện Đại học Vạn Hạnh](#), và [Viện Đại học Minh Đức](#)



Sinh viên ở [Học viện Quốc gia Hành chính](#), đường Alexandre de Rhodes, [Sài Gòn](#)

- [Viện Đại học Đà Lạt](#): Thành lập ngày 8 tháng 8 năm [1957](#). Một phần cơ sở của Viện Đại học Đà Lạt nguyên là một [chủng viện](#) của [Giáo hội Công giáo](#). Viện đại học này có 4 phân khoa đại học: Chính trị Kinh doanh, Khoa học, Sư phạm, [Thần học](#) và Văn khoa. Theo ước tính, từ năm [1957](#) đến [1975](#) viện đại học này đã giáo dục 26.551 người.^[55]
- [Viện Đại học Vạn Hạnh](#): Thuộc khối [Ấn Quang](#) của [Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất](#); thành lập ngày 17 tháng 10 năm [1964](#) ở số 222 đường Trương Minh Giảng (sau 1975 là đường Lê Văn Sỹ), Quận 3, Sài Gòn-Gia Định với 5 phân khoa đại học: Giáo dục, [Phật học](#), [Khoa học xã hội](#), Khoa học ứng dụng, và Văn học & Khoa học nhân văn. Vào đầu thập niên [1970](#), Vạn Hạnh có hơn 3.000 sinh viên.^{[56][57]}
- [Viện Đại học Phương Nam](#): Được cấp giấy phép năm [1967](#), tọa lạc ở số 16 đường Trần Quốc Toàn (sau năm 1975 là đường 3 Tháng Hai), Quận 10, [Sài Gòn](#). Viện đại học này thuộc khối [Việt Nam Quốc Tự](#) của [Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất](#), Giáo sư Lê Kim Ngân làm viện trưởng. Viện Đại học Phương Nam có 3 phân khoa đại học: Kinh tế-Thương mại, Ngoại ngữ, và Văn khoa. Vào thập niên 1970, viện đại học này có khoảng 750 sinh viên ghi danh.^[56]
- [Viện Đại học An Giang](#) (Hòa Hảo): Thành lập năm 1970 ở [Long Xuyên](#) với 5 phân khoa đại học: Văn khoa, Thương mại-Ngân hàng, Bang giao Quốc tế, Khoa học Quản trị và Sư phạm.^[58] Viện Đại học này trực thuộc Giáo hội [Phật giáo Hòa Hảo](#).
- [Viện Đại học Cao Đài](#): Thành lập năm 1971 trên đường Ca Bảo Đạo^[59] ở [Tây Ninh](#) với 3 phân khoa đại học: Thần học Cao Đài, Nông lâm mục, và Sư phạm.^{[60][61]} Viện Đại học này trực thuộc Giáo hội [Cao Đài](#).
- [Viện Đại học Minh Đức](#): Được cấp giấy phép năm 1972, trụ sở ở Sài Gòn với 5 phân khoa đại học: Kỹ thuật Canh nông, Khoa học Kỹ thuật, Kinh tế Thương mại, Nhân văn Nghệ thuật, và [Y khoa](#). Viện Đại học này do Giáo hội [Công giáo](#) điều hành.

5.4 Các học viện và viện nghiên cứu

Bài chi tiết: [Học viện Quốc gia Hành chính](#), [Học viện Quốc gia Nông nghiệp](#), [Viện Hải dương học Nha Trang](#), và [Viện Khảo cổ \(Việt Nam Cộng hòa\)](#)



Phòng thí nghiệm ở [Viện Pasteur Sài Gòn](#)

- [Học viện Quốc gia Hành chính](#): Cơ sở này được thành lập từ thời [Quốc gia Việt Nam](#) với văn bản ký ngày 29 tháng 5 năm 1950 nhằm đào tạo nhân sự chuyên môn trong lãnh vực công quyền như thuế vụ và ngoại giao. Trường sở đặt ở [Đà Lạt](#); năm 1956 thì dời về [Sài Gòn](#)^[62] đặt ở đường Alexandre de Rhodes; năm 1958 thì chuyển về số 100 đường Trần Quốc Toản (gần góc đường Cao Thắng, sau năm 1975 là đường [3 tháng 2](#)), Quận 10, Sài Gòn.^{[63][64]} Học viện này trực thuộc Phủ Thủ tướng hay Phủ Tổng thống, đến năm 1973 thì thuộc Phủ Tổng ủy Công vụ. Học viện có chương trình hai năm cao học, chia thành ba ban [cao học](#), đốc sự, và tham sự.^[65]
- [Học viện Quốc gia Nông nghiệp](#) (1972-1974): tiền thân là Trường Cao đẳng Nông lâm súc (1962-1968), Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (1968-1972) rồi nhập vào [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#) năm 1974.
- Ngoài những học viện trên, Việt Nam Cộng hòa còn duy trì một số cơ quan nghiên cứu khoa học như [Viện Pasteur Sài Gòn](#), [Viện Pasteur Đà Lạt](#), [Viện Pasteur Nha Trang](#), [Viện Hải dương học Nha Trang](#), [Viện Nguyên tử lực Đà Lạt](#), [Viện Khảo cổ](#) v.v. với những chuyên môn đặc biệt.^[66]

5.5 Các trường đại học cộng đồng

Bài chi tiết: [Trường đại học cộng đồng](#)

Bắt đầu từ năm 1971 chính phủ mở một số trường đại học cộng đồng (theo mô hình *community college* của [Hoa Kỳ](#)) như Trường Đại học Cộng đồng Tiền Giang ở [Mỹ Tho](#),^[67] Duyên Hải ở [Nha Trang](#),^[68] Quảng Đà ở [Đà Nẵng](#) (1974),^[69] và Long Hồ ở [Vĩnh Long](#).^[47] Trường Đại học Cộng đồng Tiền Giang đặt trọng tâm vào nông nghiệp; Trường Đại học Cộng đồng Duyên Hải hướng về ngư nghiệp.^[68] Riêng Trường Long Hồ còn đang dang dở chưa hoàn tất thì chính thể Việt Nam Cộng hòa bị giải tán.^[70] Ở [Sài Gòn](#) thì có Trường Đại học Regina Pacis (khai giảng vào năm 1973) dành riêng cho nữ sinh do [Công giáo](#) thành lập, và theo triết lý đại học cộng đồng.^[68]

5.6 Các trường kỹ thuật và huấn nghệ

Bài chi tiết: [Trường Quốc gia Nông lâm mục](#), [Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ](#), [Học viện Cảnh sát Quốc gia \(Việt Nam Cộng hòa\)](#), và [Hệ thống giáo dục kỹ thuật thời Việt Nam Cộng hòa](#)

Ngoài những trường đại học còn có hệ thống trường cao đẳng như Trường Bách khoa Phú Thọ và Trường Nông lâm súc. Một số những trường này sang thập niên 1970 được nâng lên tương đương với cấp đại học.

- [Trường Quốc gia Nông lâm mục](#): Thoạt tiên là Nha Khảo cứu Đông Dương thành lập năm 1930 ở [B'iao](#), cơ sở này đến năm 1955 thì nâng lên thành Trường Quốc gia Nông lâm mục với chương trình học bốn năm. Diện tích vườn thực nghiệm rộng 200 ha chia thành những khu chăn nuôi gia súc, vườn cây công nghiệp, lúa thóc.^[71] Qua từng giai đoạn Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Nông lâm súc (1962-1968), Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp (1968-1972), Học viện Quốc gia Nông nghiệp (1972-1974). Cuối cùng Trường Quốc gia Nông lâm mục được sáp nhập vào [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#) (có trụ sở ở số 45 đường Cường Để, Quận 1, Sài Gòn). Trường còn có chi nhánh ở [Huế](#), [Cần Thơ](#), và [Bình Dương](#).^[72]

- [Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ](#): Thành lập năm [1957](#) thời [Đệ nhất Cộng hòa](#) gồm bốn trường: Trường Cao đẳng Công chánh, Trường Cao đẳng Điện học, Trường Quốc gia Kỹ sư Công nghệ, và Trường Việt Nam Hàng hải. Năm [1968](#) lập thêm Trường Cao đẳng Hóa học. Năm [1972](#), Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật đổi thành Học viện Quốc gia Kỹ thuật và đến năm [1974](#) thì nhập với Trường Đại học Nông nghiệp để tạo nên [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#).^{[73][74]}
- [Học viện Cảnh sát Quốc gia](#): Thành lập năm 1966 để đào tạo nhân viên giữ an ninh và thi hành luật pháp.^[75]

5.7 Các trường nghệ thuật



Các giáo sư [Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ](#) đồng tấu: Trần Thanh Tâm (đờn kim), Phan Văn Nghị (đờn cò), Trương Văn Đệ (đờn tam), Vũ Văn Hòa (sáo), và Nguyễn Vĩnh Bảo (đờn tranh).

Bài chi tiết: [Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ](#) và [Trường Quốc gia Âm nhạc Huế](#)


- [Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ](#): Thành lập ngày 12 tháng 4 năm [1956](#) dưới thời [Đệ nhất Cộng hòa](#). Chương trình học sau được bổ túc để bao gồm các bộ môn [âm nhạc cổ điển Tây phương](#) và truyền thống Việt Nam cùng kịch nghệ.^[76]
- [Trường Quốc gia Âm nhạc Huế](#): Thành lập năm 1962 ở cố đô [Huế](#),^[77] chủ yếu dạy [âm nhạc cổ truyền Việt Nam](#), dùng nhà hát [Duyệt Thi Đường](#) trong [Kinh thành Huế](#) làm nơi giảng dạy.^[78]
- [Trường Quốc gia Trang trí Mỹ thuật](#): thành lập năm 1971, trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Trang trí Mỹ thuật Gia Định (tiền thân là Trường Mỹ nghệ Gia Định, thành lập năm 1940).
- [Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn](#): thành lập sau năm 1954; chuyên đào tạo về nghệ thuật tạo hình với các chương trình học 3 và 7 năm. Vị giám đốc đầu tiên là họa sĩ [Lê Văn Đệ](#) (1954-1966).

5.8 Sinh viên du học ngoại quốc

Một số sinh viên bậc đại học được cấp giấy phép đi du học ở nước ngoài. Hai quốc gia thu nhận nhiều sinh viên Việt Nam vào năm 1964 là [Pháp](#) (1.522) và [Hoa Kỳ](#) (399), đa số theo học các ngành khoa học xã hội và kỹ sư.^[9]

6. Tài liệu và dụng cụ giáo khoa



 [Truyện Kiều](#) bản [chữ Nôm](#) của Chiêm Vân Thị do Bộ Giáo dục Việt Nam Cộng hòa xuất bản năm 1967

Năm [1958](#), chính phủ [Đệ nhất Cộng hòa](#) cho lập Ban Tu thư thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục để soạn, dịch, và in sách giáo khoa cho hệ thống giáo dục toàn quốc. Tính đến năm [1962](#), Bộ Quốc gia Giáo dục đã ấn hành xong 39 đầu sách tiểu học, 83 sách trung học, và 9 sách đại học.^[79]


Các giáo chức và họa sĩ làm việc trong Ban Tu thư đã soạn thảo trọn bộ sách cho bậc tiểu học. Bộ sách này được đánh giá cao cả về nội dung lẫn hình thức. Có nhiều sách đã được viết, dịch, và phát hành để học sinh và sinh viên có tài liệu tham khảo. Phần lớn sách giáo khoa và trang thiết bị dụng cụ học tập do Trung tâm Học liệu của Bộ Giáo dục sản xuất và cung cấp với sự giúp đỡ của một số cơ quan nước ngoài. Trung tâm này còn hợp tác với [UNESCO](#) để viết và dịch sách dành cho thiếu nhi để giúp các em hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau và tạo sự đoàn kết giữa các nhi đồng trên thế giới. Bộ Giáo dục cũng dành riêng ngân quỹ để in sách giáo khoa bậc tiểu học cho gần 30 [sắc tộc thiểu số](#) khác nhau ở Việt Nam.

Ngoài ra, để có sự thống nhất trong việc sử dụng các danh từ chuyên môn, Bộ Giáo dục cũng đã thiết lập Ủy ban Quốc gia Soạn thảo Danh từ Chuyên môn bao gồm nhiều giáo sư đại học. Ủy ban đã soạn thảo và, thông qua Trung tâm Học liệu, ấn hành những tập đầu tiên trong lĩnh vực văn học và khoa học.^[80] Trong những dự án đó Bộ cho in lại nguyên bản [Truyện Kiều](#) bằng [chữ Nôm](#).

7. Nhà giáo

7.1 Đào tạo giáo chức



 Trường Đại học Sư phạm thuộc [Viện Đại học Sài Gòn](#)

Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn thuộc [Viện Đại học Sài Gòn](#) (thành lập vào năm 1957) là cơ sở sư phạm đầu tiên, bắt đầu khai giảng năm 1958.^[81] Sau có thêm các trường cao đẳng sư phạm ở [Ban Mê Thuột](#), [Huế](#), [Vĩnh Long](#), [Long An](#), và [Quy Nhơn](#)^[82] [Nha Trang](#), [Mỹ Tho](#), [Cần Thơ](#), [Long Xuyên](#).^[83] Ngoài ra còn có Trường Đại học Sư phạm Huế thuộc [Viện Đại học Huế](#) và Trường Đại học Sư phạm Đà Lạt thuộc [Viện Đại học Đà Lạt](#).^[84] Vào thời điểm năm 1974, cả nước có 16 cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học với chương trình hai năm còn gọi là chương trình sư phạm cấp tốc. Chương trình này nhận những ai đã đậu được bằng Trung học Đệ nhất cấp.^[85] Hằng năm chương trình này đào tạo khoảng 2.000 giáo viên tiểu học.^[86] Giáo viên trung học thì phải theo học chương trình của trường đại học sư phạm (2 hoặc 4 năm).^[87] Sinh viên các trường sư phạm được cấp [học bổng](#) nếu ký hợp đồng 10 năm làm việc cho nhà nước ở các trường công lập sau khi tốt nghiệp.^[88]

Nha Sư phạm (thuộc Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên) và các trường sư phạm thường xuyên tổ chức các chương trình tu nghiệp và các buổi hội thảo giáo dục để giáo chức có dịp học hỏi và phát triển nghề nghiệp. Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên cũng gửi gởi nhiều giáo chức đi tu nghiệp ở các nước như [Anh](#), [Pháp](#), [Hoa Kỳ](#), [Nhật](#), [Đức](#), v.v...^[84]

Đối với giáo sư đại học thì đa số xuất thân từ [Viện Đại học Đông Dương](#) ở Hà Nội từ trước năm 1954. Số khác được đào tạo ở [Pháp](#), [Đức](#) và [Mỹ](#). Vào năm 1970 tổng cộng có 941 giáo sư giảng dạy ở các trường đại học của Việt Nam Cộng hòa.^[53]

7.2 Đời sống và tinh thần giáo chức

Chỉ số lương của giáo viên tiểu học mới ra trường là 250, giáo học bổ túc hạng 5 là 320, giáo sư trung học đệ nhất cấp hạng 4 là 400, giáo sư trung học đệ nhị cấp hạng 5 là 430, hạng 4 là 470. Với mức lương căn bản như vậy, cộng thêm phụ cấp sư phạm, nhà giáo ở các thành phố thời [Đệ nhất Cộng hòa](#) có cuộc sống khá thoải mái, có thể mượn được người giúp việc trong nhà. Sang thời [Đệ nhị Cộng hòa](#), đời sống bắt đầu đắt đỏ, vật giá leo thang, nhà giáo cảm thấy chật vật hơn, nhất là ở những thành phố lớn như [Sài Gòn](#) và [Đà Nẵng](#). Tuy vậy, lúc nào các nhà giáo cũng giữ vững tinh thần và tư cách của nhà mô phạm (người mẫu mực, người đóng vai trò hình mẫu), từ cách ăn mặc thật đúng đắn đến cách ăn nói, giao tiếp với phụ huynh và học sinh, và với cả giới chức chính quyền địa phương.^[84]

8. Thi cử và đánh giá kết quả học tập

Đề thi trắc nghiệm đã được sử dụng cho môn Công dân, Sử, Địa trong các kỳ thi [Tú tài I và Tú tài II](#) từ niên khóa [1965-1966](#). Đến năm [1974](#), toàn bộ các môn thi trong kỳ thi tú tài gồm toàn những câu trắc nghiệm. Các vị thanh tra trong ban soạn đề thi đều phải đi dự lớp huấn luyện về cách thức soạn câu hỏi, thử nghiệm các câu hỏi với trên 1.800 học sinh ở nhiều nơi, phân tích câu trả lời của học sinh để tính độ khó của câu hỏi và trả lời để lựa chọn hoặc điều chỉnh câu hỏi trắc nghiệm cho thích hợp.^[26]

Đầu những năm [1970](#), Nha Khảo thí của Bộ Quốc gia Giáo dục đã ký hợp đồng với công ty [IBM](#) để điện toán hóa toàn bộ hồ sơ thí vụ, từ việc ghi danh, làm phiếu báo danh, chứng chỉ trúng tuyển... đến các con số thống kê cần thiết. Bảng trả lời cho đề thi trắc nghiệm được đặt từ [Hoa Kỳ](#), và bài làm của thí sinh được chấm bằng máy [IBM 1230](#). Điểm chấm xong từ máy chấm được chuyển sang máy [IBM 534](#) để đọc lỗ. Những phiếu đọc lỗ này được đưa vào máy [IBM 360](#) để đọc điểm, nhân hệ số, cộng điểm, tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn, chuyển điểm thô ra điểm tiêu chuẩn, tính thứ hạng trúng tuyển v.v... Nhóm mẫu (*sample*) và nhóm định chuẩn (*norm group*) được lựa chọn kỹ càng theo đúng phương pháp của khoa học thống kê để tính điểm trung bình và độ lệch tiêu chuẩn.^[26]

9. Tổ chức quản trị

9.1 Hệ thống quản trị giáo dục

Dưới thời [Đệ nhất Cộng hòa](#), Bộ Quốc gia Giáo dục có Tổng Nha Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục phụ trách giáo dục tiểu học và trung học; đứng đầu là một Tổng Giám đốc. Tổng Nha này (văn phòng đặt tại số 7 đường Nguyễn Bình Khiêm, [Sài Gòn](#)) bao gồm Nha Trung học, Nha Tiểu học, Nha Tư thực, Sở Khảo thí, và Ban Thanh tra và Soạn Đề thi. Ở địa phương, mỗi tỉnh có một Ty Tiểu học để quản lý tất cả các trường tiểu học trong tỉnh. Nhưng các trường trung học ở Sài Gòn và ở các tỉnh lỵ và quận lỵ đều làm việc thẳng với Nha Trung học ở Tổng Nha. Khi số trường trung học gia tăng quá nhiều thì Nha Trung học hoạt động không còn hữu hiệu nữa. Ở tại các tỉnh, [hiệu trưởng](#) trường trung học tỉnh lỵ kiêm luôn việc kiểm soát các trường [bán công](#) và [tư thục](#) khiến vị trí công việc này rất nặng nề.^[89] Năm [1958](#) lập Ban Tu thư để soạn sách giáo khoa, phần lớn in ở ngoại quốc với viện trợ của Mỹ.^[90]



Bản đồ hành chính với địa giới các [tỉnh](#) của Việt Nam Cộng hòa và bốn khu học chánh (cũng tương ứng với bốn [vùng chiến thuật](#))

Tháng 6 năm [1971](#), dưới thời [Đệ nhị Cộng hòa](#), Bộ Quốc gia Giáo dục mở rộng thành Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên (VH-GD-TN). Cơ quan đầu não của Bộ bao gồm: Một Tổng trưởng (ngày nay gọi là Bộ trưởng), một Thứ trưởng, và bốn Phụ tá đặc biệt (ngang hàng thứ trưởng) đặc trách Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục, Văn hóa, Thanh niên, và Kế hoạch. Điều hành văn phòng cơ quan đầu não có Đồng lý văn phòng (chức vụ này bị bãi bỏ từ năm [1974](#)), Chánh văn phòng của Tổng trưởng, Chánh văn phòng của Thứ trưởng, Bí thư của Tổng trưởng, Bí thư của Thứ trưởng, Tham chánh Văn phòng của Tổng trưởng, các Công cán Ủy viên của Tổng trưởng, Thứ trưởng, Phụ tá đặc biệt, và một số Thanh tra đặc biệt tại Bộ.^[89]

Tổng thư ký và Phó tổng thư ký của Bộ trông coi khối điều hành ở trung ương với 13 nha, 1 sở, và 1 trung tâm: (1) Nha Sư tâm và Nghiên cứu Giáo dục, (2) Nha Kế hoạch và Pháp chế, (3) Nha Học chánh (tức là Quản trị Giáo dục), (4) Nha Sinh hoạt Học đường, (5) Nha Sinh hoạt Văn hóa, (6) Nha Sinh hoạt Thanh niên, (7) Nha Công tác Quốc tế, (8) Nha Sư phạm và Tu nghiệp, (9) Nha Khảo thí, (10) Nha Y tế Học đường, (11) Nha Nhân viên, (12) Nha Tài chính, (13) Nha Tạo tác (tức là Kiến thiết và Hậu cần), (14) Sở Văn thư, và (15) Trung tâm Học liệu. Thanh Tra Đoàn được lập ở trung ương, bên cạnh khối điều hành của Tổng thư ký. Tổng Nha Trung Tiểu học và Bình Dân Giáo dục được giải tán và tất cả các công việc thuộc Tổng Nha được đưa về Bộ và nằm dưới sự điều hành trực tiếp của Phụ tá đặc biệt đặc trách Trung Tiểu học và Bình Dân Giáo dục.^[89]

Vào năm [1972](#), Bộ VH-GD-TN thiết lập 4 Khu Học chánh để đại diện cho Bộ ở 4 [vùng chiến thuật](#) (quân khu) để đôn đốc, kiểm soát và giúp đỡ công việc văn hóa, giáo dục, và thanh niên ở các tỉnh thuộc phạm vi quân khu của mình. Đây là một cơ quan hoạt động rất hữu hiệu. Tuy nhiên vì ngân sách eo hẹp và vì nhu cầu cải tổ công vụ trên toàn quốc nên Khu Học chánh bị giải tán sau hơn một năm hoạt động. Tại mỗi tỉnh, Bộ VH-GD-TN cho thiết lập một Sở Học chánh để phụ trách tất cả các công việc liên quan đến văn hóa và giáo dục trong tỉnh; Ty Tiểu học được sáp nhập vào Sở Học chánh. Bộ VH-GD-TN mong muốn rằng cơ quan học chánh ở mỗi tỉnh phải có địa vị quan trọng và càng ít bị áp lực của địa phương càng tốt cho nên đã nâng cơ quan này lên thành Sở. Tuy vậy, do tình hình đất nước, điều này không thể thực hiện được, và công cuộc cải tổ công vụ toàn quốc đã đưa đến quyết định chuyển Sở Học chánh thành Ty Văn hóa Giáo dục tại địa phương từ năm [1974](#). Trên toàn lãnh thổ [Việt Nam Cộng hòa](#) lúc này có 50 Ty Văn hóa Giáo dục đặt tại 48 tỉnh lỵ và 2 thị xã.^[89]

Về mặt ngân sách vào thời điểm năm [1961](#) thời [Đệ nhất Cộng hòa](#) với ngân sách quốc gia là 15.276 triệu [đồng](#), chính phủ chi 811,4 triệu cho ngân sách giáo dục; chính quyền địa phương góp 563,3 triệu đồng tính tổng cộng là 8,99% ngân sách quốc gia.^[66]

Bộ Quốc gia Giáo dục còn điều hành [Viện Khảo cổ](#) và quản lý các viện bảo tàng quốc gia như [Viện Bảo tàng Quốc gia Việt Nam](#) ở Sài Gòn, [Viện Bảo tàng Huế](#) và [Viện Bảo tàng Chàm](#).

9.2 Giáo dục là của những người làm giáo dục

Ở [Việt Nam](#), ngay từ thời xa xưa, giáo dục là của những người làm giáo dục. Các vương triều của [Việt Nam](#) thường chỉ vạch ra những đường nét chung và những mục tiêu chung, kèm theo đó là tổ chức các kỳ thi để tuyển chọn người tài mà không trực tiếp can dự vào hoạt động giảng dạy của các cơ sở giáo dục. Sang thời [Pháp thuộc](#), người Pháp lập ra một nền giáo dục mới, nhưng việc điều hành và soạn thảo chương trình vẫn được giao cho các nhà giáo được huấn luyện chuyên môn, dù là người Pháp hay [người Việt](#).^[91]

Đặc điểm trên được tôn trọng trong suốt thời [Quốc gia Việt Nam](#) của Cựu hoàng [Bảo Đại](#) và đặc biệt là thời [Việt Nam Cộng hòa](#). Các chức vụ bộ trưởng hay tổng trưởng giáo dục có thể là do các chính trị gia hay những người thuộc các ngành khác đảm nhiệm, nhưng các chức vụ khác trong Bộ Giáo dục đều là những nhà giáo

chuyên nghiệp đảm trách (ngoài trừ một số chức vụ có tính chất chính trị như đồng lý văn phòng, bí thư, v.v...). Họ là những người am hiểu công việc, có kinh nghiệm, giàu tâm huyết, và xem chính trị chỉ là nhất thời, tương lai của dân tộc mới quan trọng. Trong các cơ quan lập pháp, những người đứng đầu các ủy ban hay tiểu ban giáo dục của Thượng viện và Hạ viện đều là những nghị sĩ quốc hội xuất thân từ nhà giáo. Ngoại trừ ở những vùng **mất an ninh**, những gì thuộc phạm vi chính trị nhất thời đều phải ngưng lại trước ngưỡng cửa học đường.^[91]

Riêng trong lĩnh vực giáo dục đại học, Điều 10 của [Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa](#) (1967) nêu rõ: *Nền giáo dục đại học được tự trị*.^[2] Ở miền Nam trước **1975** không có "Bộ Đại học" cũng không có cơ quan chủ quản kiểu như Bộ Y tế quản lý các trường đại học Y-Dược. Trong ban lãnh đạo của Bộ Quốc gia Giáo dục của [Việt Nam Cộng hòa](#) có một **thứ trưởng** đặc trách giáo dục đại học. Công việc của vị này chủ yếu là lo về chính sách chung vì các viện đại học là *cơ quan ngoại vi* đối với Bộ ở trung ương. Về học vụ và điều hành, các cơ sở giáo dục đại học được **tự trị**. Các hội đồng ở cấp viện đại học và cấp trường đại học (hay phân khoa) có quyền thảo luận và quyết định mà không phải trình báo hay xin chỉ thị từ bất cứ ai.^[46]

Về mặt **tài chính**, tuy các viện đại học công lập có **ngân sách** riêng nhưng đây là một phần của ngân sách chung thuộc ngân sách quốc gia và phải được Quốc hội chấp thuận. Tất cả các chi tiêu phải qua thủ tục "chiếu hội ngân sách" ("chiếu hội"=kiểm nhận) do Bộ Tài chính kiểm soát và thực hiện. Ngoài ra, giảng viên và nhân viên là công chức quốc gia. Việc tuyển mới, chuyển ngạch, bổ nhiệm, thăng chức, v.v... phải qua thủ tục "chiếu hội công vụ" do Phủ Tổng ủy Công vụ thực hiện để kiểm soát. Trong thực tế, thủ tục này được thực hiện một cách khá dễ dàng và nhanh chóng. Như vậy, về mặt tài chính các viện đại học công lập ở miền Nam không được nhiều quyền tự trị như các viện đại học ở [Hoa Kỳ](#). Lý do của việc này là do các viện đại học này không thu học phí của sinh viên, không có nguồn thu riêng.^[46]

9.3 Các kỳ đại hội giáo dục quốc gia

- Đại hội Giáo dục Quốc gia lần I: tổ chức ở [Sài Gòn](#) vào năm **1958**. Triết lý giáo dục *nhân bản - dân tộc - khai phóng* được chính thức hóa ở hội nghị này.^[92]
- Đại hội Giáo dục Quốc gia lần II: tổ chức ở [Sài Gòn](#) vào năm **1964**. Đại hội này tái xác nhận ba nguyên tắc căn bản *nhân bản - dân tộc - khai phóng* và tổ chức lại hệ thống học đường nhấn mạnh đến sự học tập liên tục từ lớp 1 đến lớp 12.^[92]

9.4 Một số nhà lãnh đạo giáo dục tiêu biểu

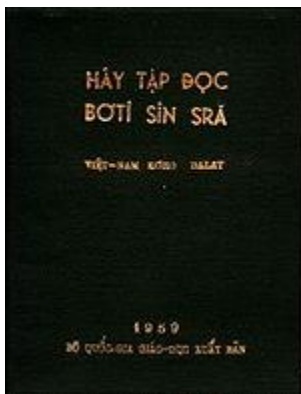
Trong suốt thời gian 20 năm tồn tại, các vị tổng trưởng (tức bộ trưởng) và thứ trưởng giáo dục của [Việt Nam Cộng hòa](#) đã có những ý tưởng, sáng kiến, và nỗ lực mang lại sự tiến bộ cho nền giáo dục ở [miền Nam Việt Nam](#). Sau đây là vài nhà lãnh đạo tiêu biểu:^[93]

- [Phan Huy Quát](#): sinh năm **1911**, mất năm **1979**; Tổng trưởng Giáo dục [Quốc gia Việt Nam 1949](#). Ông mất trong **tù cải tạo** dưới chính thể [Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](#).
- [Nguyễn Thành Giung](#): sinh năm **1894** tại [Sa Đéc](#); tiến sĩ **van vật học** (Viện Đại học Khoa học Marseille); Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục 1952-53 thời [Quốc gia Việt Nam](#), kiêm Phó Viện trưởng Viện Đại học Hà Nội.^[94]
- [Trần Hữu Thế](#): sinh năm **1922** tại [Mỹ Tho](#), mất năm **1995** tại [Pháp](#); **tiến sĩ khoa học** (1952), từng dạy học ở Lyon ([Pháp](#)) và làm **giáo sư** ở Trường Đại học Khoa học thuộc [Viện Đại học Sài Gòn](#); từ **1958** đến **1960** làm Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục; từng làm Đại sứ của Việt Nam Cộng hòa tại [Philippines](#). Dưới thời Bộ trưởng Trần Hữu Thế, số lượng học sinh, sinh viên gia tăng nhanh chóng, và nhiều cải tiến

trong giáo dục đã được thực hiện. Cùng thời kỳ này, Đại hội Giáo dục Quốc gia (lần I) được tổ chức ở [Sài Gòn](#) vào năm [1958](#) chính thức hóa ba nguyên tắc nhân bản, dân tộc, và khai phóng làm nền tảng cho triết lý giáo dục Việt Nam Cộng hòa.

- [Nguyễn Văn Trường](#): sinh năm [1930](#) tại [Vĩnh Long](#); giáo sư tại [Viện Đại học Huế](#); hai lần đảm trách chức vụ Tổng trưởng Giáo dục thời kỳ chuyển tiếp giữa [Đệ nhất](#) và [Đệ nhị Cộng hòa](#). Ông là người tích cực vận động và đóng góp vào sự ra đời của [Viện Đại học Cần Thơ](#) vào năm [1966](#).
- [Trần Ngọc Ninh](#): sinh năm [1923](#) tại [Hà Nội](#); bác sĩ giải phẫu và giáo sư [Trường Đại học Y khoa Sài Gòn](#), giáo sư Văn minh Đại cương và Văn hóa Việt Nam tại [Viện Đại học Vạn Hạnh](#); Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Giáo dục thời kỳ chuyển tiếp giữa [Đệ nhất](#) và [Đệ nhị Cộng hòa](#).^[95]
- [Lê Minh Trí](#): bác sĩ y khoa tai-mũi-họng, giáo sư [Trường Đại học Y khoa Sài Gòn](#),^[96] làm Tổng trưởng Giáo dục bị ám sát bằng [lựu đạn](#) năm [1969](#).^[97]
- [Nguyễn Lưu Viên](#): sinh năm [1919](#); bác sĩ, từng làm việc tại [Trường Đại học Y khoa Sài Gòn](#), [Bệnh viện Chợ Rẫy](#), và [Viện Pasteur Sài Gòn](#); từ [1969](#) đến [1971](#) làm Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Giáo dục rồi Phó thủ tướng kiêm Trưởng Phái đoàn [Việt Nam Cộng hòa](#) ở Hội nghị La Celle Saint Cloud trong chính phủ [Trần Thiện Khiêm](#).
- [Ngô Khắc Tĩnh](#): sinh năm [1922](#) tại [Phan Rang](#), mất năm [2005](#) tại [Hoa Kỳ](#); dược sĩ (tốt nghiệp ở [Pháp](#)); từ năm [1971](#) đến [1975](#) làm Tổng trưởng Bộ Văn hóa, Giáo dục, và Thanh niên; từ năm [1975](#) đến [1988](#) bị [tù cải tạo](#) dưới chính thể [Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](#).
- [Đỗ Bá Khê](#): sinh năm [1922](#) tại [Mỹ Tho](#), mất năm [2005](#) tại [Hoa Kỳ](#); tiến sĩ giáo dục ([Viện Đại học Southern California](#)); Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Giáo dục, và Thanh niên thời [Đệ nhị Cộng hòa](#). Ông là người đã thiết lập hệ thống các [trường đại học cộng đồng](#) ở miền Nam Việt Nam và được xem là "cha đẻ của các trường đại học cộng đồng Việt Nam". Ông còn thiết lập [Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức](#) vào năm [1974](#) dựa theo mô hình của các viện đại học bách khoa ở [California](#) (Hoa Kỳ) và làm việc với vai trò viện trưởng sáng lập của viện đại học này.
- [Nguyễn Thanh Liêm](#): sinh năm [1934](#) tại [Mỹ Tho](#); tiến sĩ giáo dục ([Viện Đại học Iowa State](#), Hoa Kỳ); Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Giáo dục, và Thanh niên thời [Đệ nhị Cộng hòa](#).
- Các Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục: Vương Quang Nhường, Nguyễn Dương Đôn, Nguyễn Quang Trinh

10. Trợ giúp của quốc tế



Cuốn tập đọc song ngữ Việt-[Koho](#) do Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản năm 1959 với sự hợp tác của Phái bộ Kinh tế Hoa Kỳ

Những nỗ lực phát triển giáo dục của [Việt Nam Cộng hòa](#) nhận được sự trợ giúp của các tổ chức quốc tế và nhiều nước trên thế giới. Một vài ví dụ có thể kể đến: [UNESCO](#) giúp thiết lập một hệ thống các trường tiểu học cộng đồng. [UNDP](#) giúp đỡ trang thiết bị cho [Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ](#). [New Zealand](#) xây dựng các tòa nhà cho Trường Đại học Khoa học thuộc [Viện Đại học Sài Gòn](#). [Pháp](#) cung cấp nhiều giáo sư, trang thiết bị, khoản tài trợ giúp phát triển nhân sự, đặc biệt là trong lĩnh vực [toán học](#) hiện đại. [Cộng hòa Liên bang Đức](#) (Tây

Đức) giúp xây dựng và cung cấp trang thiết bị cho một trường trung học kỹ thuật, ngoài ra còn hỗ trợ Trường Đại học Y khoa của [Viện Đại học Huế](#), v.v...^[98]

Phần lớn sự trợ giúp đến từ [Hoa Kỳ](#). Trong đó có sự giúp đỡ trong việc ấn loát sách giáo khoa, xây dựng Trường Đại học Sư phạm của [Viện Đại học Sài Gòn](#) và các trường sư phạm khác ở các tỉnh, 11.000 phòng học trong các [ấp chiến lược](#), 18 trường trung học kỹ thuật, một trung tâm y khoa cho [Viện Đại học Sài Gòn](#), một trường sư phạm và cùng với nó là một trường trung học kiểu mẫu, một trường sư phạm kỹ thuật, một trường đại học nông nghiệp, một trường đại học kỹ thuật, một trung tâm hành chính cho viện đại học, v.v... Tất cả các chương trình này được thực hiện thông qua các nhóm chuyên gia gồm các giáo sư, nhà quản trị, và sinh viên của các viện đại học Hoa Kỳ.^[98]

11. Chữ viết

Vào thời đó, [chính tả](#) tiếng Việt khác với bây giờ ít nhiều. Điểm khác biệt gồm có việc dùng gạch nối "-" giữa các từ trong một [từ kép](#), ví dụ như "ngân-hàng", "Việt-Nam". Cách viết tên riêng thì có khi viết thành "Nguyễn-văn-Mỗ" thay vì [viết hoa](#) mỗi chữ (Nguyễn Văn Mỗ). Những khác biệt này không phải do chính quyền tạo ra hay chỉ mới xuất hiện vào thời buổi đó mà đúng ra là tiếp nối cách viết từ thời [tiền chiến](#).

12. Đánh giá

Lời đánh giá về nền giáo dục [Việt Nam](#) dưới chính thể [Việt Nam Cộng hòa](#) trên [trang mạng](#) chính thức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh [Bình Định](#): "*Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, [đế quốc Mỹ](#) đã thay chân Pháp, nhảy vào miền Nam Việt Nam. Mỹ-ngụy đã cố sử dụng giáo dục làm công cụ xâm lược Việt Nam. Chúng đã gieo rắc trong học sinh, sinh viên tư tưởng hoài nghi, mơ hồ, tư tưởng an phận, sợ Mỹ, phục Mỹ. Chúng phát triển trong học sinh, sinh viên lối sống thực dụng, quay lưng với hiện tại, chấp nhận cuộc sống vị kỷ ương hèn... Mặt khác, Mỹ-ngụy tìm mọi cách tiêu diệt nền giáo dục cách mạng, tìm cách ngăn chặn, loại trừ những mầm mống cách mạng trong nhà trường.*"^[99] Trong một giáo án về Lịch sử Giáo dục huyện [Triệu Phong](#), tỉnh [Quảng Trị](#): "*Giáo dục Mỹ-ngụy tuy có phát triển về số lượng và có những cải cách nhất định, nhưng không thoát khỏi mục đích nô dịch, thống trị.*"^[100]

Từ ngày 7 đến ngày 28 tháng 6 năm [1975](#) (tức là sáu tuần sau [sự kiện ngày 30 tháng 4](#)), Arthur W. Galston, giáo sư sinh học ở [Viện Đại học Yale](#), viếng thăm miền Bắc Việt Nam (lúc đó vẫn là [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#)). Theo tường trình của Galston cho tạp chí *Science* số ra ngày 29 tháng 8 năm [1975](#) thì một trong những chủ đề khiến các nhà lãnh đạo miền Bắc bận tâm vào lúc đó là vấn đề thống nhất với miền Nam. Theo tạp chí *Science* thì "*Việc thống nhất trong lĩnh vực khoa học và giáo dục có lẽ sẽ có nhiều khó khăn vì hai miền đã phát triển theo hai chiều hướng khác nhau trong nhiều thập niên. Nhưng dù cho có nhiều khó khăn, Galston nhận thấy các nhà lãnh đạo miền Bắc công khai bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với nhiều đặc điểm của nền khoa học và giáo dục ở miền Nam; họ dự định kết hợp những đặc điểm này vào miền Bắc khi quá trình thống nhất đang được thảo luận sôi nổi vào lúc đó thực sự diễn ra.*" Theo Galston, các nhà lãnh đạo miền Bắc, cụ thể được nhắc đến trong bài là [Nguyễn Văn Hiếu](#) (Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam) và [Phạm Văn Đồng](#) (Thủ tướng [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](#)), đặc biệt quan tâm đến hệ thống giáo dục nhấn mạnh đến các ngành [kỹ thuật](#) và [điện tử](#) cùng hệ thống các [trường đại học công đồng](#) hệ hai năm đã được thiết lập ở miền Nam (nguyên văn [tiếng Anh](#): "the widespread educational emphasis on engineering and electronics and the system of two-year, community colleges").^[101]

Lời chứng và đánh giá của ông [Mai Thái Lĩnh](#), cựu sinh viên [Viện Đại học Đà Lạt](#),^[102] nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân Thành phố [Đà Lạt](#) dưới chính thể [Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam](#): "*Tôi là con của một cán bộ [Việt Minh](#) – tham gia [Cách mạng tháng Tám](#) tại [Lâm Đồng](#) sau đó tập kết ra [miền Bắc](#) [...] Chế độ [Việt Nam Cộng hòa](#) lúc đó biết lý lịch của tôi, nhưng vẫn không phân biệt đối xử, cho nên tôi vẫn có thể học hành đến nơi đến chốn. Tinh chất tốt đẹp của nền giáo dục cũ của [miền Nam](#) là điều tôi công khai thừa nhận, vì*

vậy suốt 14 năm phục vụ trong ngành giáo dục "xã hội chủ nghĩa" (1975-1989), tôi bị người ta gán cho đủ thứ nhãn hiệu, chụp cho nhiều thứ mũ chỉ vì tôi nêu rõ những ưu điểm của nền giáo dục cũ cần phải học hỏi. Chính là do thừa hưởng nền giáo dục đó của miền Nam mà tôi có được tính độc lập trong tư duy, không bao giờ chịu nô lệ về tư tưởng..."^[103]

Đánh giá của nhà phê bình văn học Thụy Khuê: "Có thể nói, trong suốt thời gian chia đôi đất nước, mặc dù với những tệ nạn của xã hội chiến tranh, tham nhũng; miền Nam vẫn có một hệ thống giáo dục đứng đắn. Trong chương trình giáo khoa, các giai đoạn lịch sử và văn học đều được giảng dạy đầy đủ, không thiên hướng. Ở bậc trung học học sinh gặt hái những kiến thức đại cương về sử, về văn, và tới trình độ tú tài, thu thập những khái niệm đầu tiên về triết học. Lên đại học, sinh viên văn khoa có dịp học hỏi và đào sâu thêm về những trào lưu tư tưởng Đông Tây, đồng thời đọc và hiểu được văn học nước ngoài qua một nền dịch thuật đáng tin cậy, dịch được những sách cơ bản. Nguyễn Văn Trung trong hồi ký đã nhấn mạnh đến sự tự trị của đại học, nhờ sự tự trị này mà các giáo sư có quyền giảng dạy tự do, không bị áp lực chính trị của chính quyền. Chính điều kiện giáo dục này, đã cho phép miền Nam xây dựng được một tầng lớp trí thức, một tầng lớp văn nghệ sĩ và một quân chúng độc giả; giúp cho nhiều nhà văn có thể sống bằng nghề nghiệp của mình. Và cũng chính tầng lớp trí thức và sinh viên này đã là đối trọng, chống lại chính quyền, khi có những biến cố chính trị lớn như việc đàn áp Phật giáo thời ông Diệm và việc đấu tranh chống tham nhũng (như vụ báo Sóng Thần) thời ông Thiệu."^[104]

13. Xem thêm

- [Giáo dục và Khoa cử thời Trần](#)
- [Giáo dục và Khoa cử thời Lê Sơ](#)
- [Giáo dục và Khoa cử thời Mạc](#)
- [Giáo dục và Khoa cử thời Nguyễn](#)
- [Tú tài I và II](#)

14. Chú thích

1. ^{a b c} Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 24-26.
2. ^{a b} [“Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1967”](#).
3. ^{a b c} Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 19-21.
4. ^a Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 22-23.
5. ^a Nguyen Van Canh, tr. 156
6. ^a [“Giáo dục Việt Nam Cộng hòa”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
7. ^a Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 54.
8. ^{a b} Nguyen Ngoc Bich, tr. 46.
9. ^{a b c d e f} Smith, Harvey et al. *Area Handbook for South Vietnam*. Washington, DC: US Government Printing Office, 1967. 146-56.
10. ^a Sales, Jeanne M. tr 7
11. ^a Smith, Harvey et al. tr 148
12. ^a Nguyen Ngoc Bich et al., tr. 43.
13. ^{a b} Nguyen Ngoc Bich et al., tr. 47.
14. ^{a b} Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 28-29.
15. ^a [“Báo Người Việt: Giáo dục thời Việt Nam Cộng hòa”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
16. ^a Masur, Matthew B., tr. 58.
17. ^a Smith, Harvey et al., tr. 148.
18. ^a Nguyen Ngoc Bich et al., tr. 43.
19. ^a Nguyễn Thanh Liêm, tr. 28.
20. ^a [“Giáo dục thời Việt Nam Cộng hòa”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
21. ^a [“Lược sử Vovinam”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
22. ^a ["Nền giáo dục Phú Yên từ 1611 đến 1975" do Hội Đồng hương Phú Yên soạn](#)
23. ^a ["Sơ lược về Trường Trần Bình Trọng Ninh Hòa"](#)
24. ^a [“Phân ban trung học”](#). [Vietnamnet](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
25. ^a Nguyen Thanh Liem (2006), tr. 32.
26. ^{a b c} Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 38-44.
27. ^a Smith, Harvey et al. tr 149
28. ^a [“Sự Giáo dục và Thi cử ở Việt Nam qua các thời đại, phần 7”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
29. ^a [“Xếp Hạng Trong Các Kỳ Thi Trung và Đại Học”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
30. ^a [“Nhớ lại trường trung học Hoàng Diệu, Ba Xuyên”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
31. ^a Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 189-198.
32. ^a [“Phát triển thư viện tại Miền Nam trước năm 1975”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
33. ^{a b} Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 199-213.
34. ^a Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 284-285.
35. ^a [“Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”](#). Truy cập 10 tháng 2 năm 2010.
36. ^a [“Education - Vietnam”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
37. ^a [“Collège Fraternité”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
38. ^a [“Dòng La San”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
39. ^a Smith, Harvey et al. tr 153

40. [^](#) Nguyen Van Canh, tr. 157.
41. [^](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 312-317.
42. [^](#) [“Gia đình Quốc gia Nghĩa tử”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
43. [^](#) Press Information Office. Embassy of the Republic of Viet-Nam. *News from Viet-Nam*. Trang 9.
44. [^](#) [Giáo dục Việt Nam](#)
45. [^](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 174-175.
46. [^](#) [a b c](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 168-169.
47. [^](#) [a b c d](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 152-157.
48. [^](#) [The Higher Education System in Vietnam](#)
49. [^](#) [“Đào tạo liên thông và chuyển tiếp của Trường CĐCD”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
50. [^](#) [“Về xu hướng hội nhập giáo dục đại học trên thế giới”](#). Truy cập 1 tháng 1 năm 2010.
51. [^](#) [“Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận ở tổ của đại biểu quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 28 tháng 10 năm 2009 \(mục 8\)”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
52. [^](#) Masur, Matthew B., tr. 61.
53. [^](#) [a b](#) "Higher Education". *Viet Nam Magazine*. Vol IV, No 5, 1971. tr 4-15
54. [^](#) Sales, Jeanne M., tr. 8.
55. [^](#) [“Viện Đại học Đà Lạt giữa lòng dân tộc Việt Nam”](#). Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
56. [^](#) [a b](#) [“Hội thảo 300 năm Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-Tp. Hồ Chí Minh”](#). Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
57. [^](#) [“Viện Đại học Vạn Hạnh”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009. ^{[[liên kết hỏng](#)]}
58. [^](#) [“Niên biểu An Giang qua các thời kỳ”](#). Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
59. [^](#) [“Giáo dục Văn hóa Cao Đài”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
60. [^](#) [“Viện Đại-học Cao-Đài: Chỉ-Dẫn \(1971-1972\)”](#). Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
61. [^](#) [“Viện Đại học Cao Đài”](#). Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
62. [^](#) [“Duyên Quốc gia Hành chánh...”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
63. [^](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 171.
64. [^](#) [“Lần theo vết dấu...”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
65. [^](#) [“Lịch sử Học viện Quốc gia Hành chánh”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
66. [^](#) [a b](#) [“UNESCO Profile: Viet-Nam”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
67. [^](#) [“Đại học công đồng Tiền Giang”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
68. [^](#) [a b c](#) [“Community Colleges in Vietnam”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
69. [^](#) [“Đà Nẵng vang bóng một thời”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
70. [^](#) [“Nhà văn Hứa Hoành”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
71. [^](#) [“Trường Nông lâm súc”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
72. [^](#) [“Cru học sinh Nông lâm súc tái ngộ”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
73. [^](#) [“Nhóm lợi ích công cộng... lưu vực sông Cửu Long”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
74. [^](#) [“Trường Đại học Nông lâm”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
75. [^](#) [“Quá trình thành lập Học viện Cảnh sát Quốc gia”](#)
76. [^](#) [“Kỷ niệm 50 năm thành lập Trường Quốc Gia Âm Nhạc & Kịch nghệ Việt Nam”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
77. [^](#) [“Nghệ nhân Trần Kích khổ luyện và tài hoa”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
78. [^](#) [“Duyệt Thị Đường: Nhà hát cổ nhất Việt Nam”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
79. [^](#) Masur, Matthew, tr. 57.
80. [^](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 34.
81. [^](#) [“Lịch sử Đại học Sư phạm Sài Gòn”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
82. [^](#) "Khoa Sư phạm". *Thế giới Tự do Số 4*, Tập X. Sài Gòn: Sở Thông tin Hoa Kỳ, 1961. tr 34-5
83. [^](#) [“Những con đường dẫn vào tương lai...”](#)
84. [^](#) [a b c](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 135-138.
85. [^](#) [“Giáo dục thời Việt Nam Cộng Hòa”](#). Truy cập 28 tháng 12 năm 2009.
86. [^](#) Nguyen Ngoc Bich. tr 46
87. [^](#) Sales, Jeanne M. tr 9
88. [^](#) [“Trường Đại-học Sư-phạm Sài Gòn”](#). Truy cập 31 tháng 1 năm 2010.
89. [^](#) [a b c d](#) Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 44-47.

90. [^] ^a ^b Duncanson, Dennis. *Government and Revolution in Vietnam*. New York: Oxford University Press, 1968. tr 250.
91. [^] ^a ^b Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 127-128.
92. [^] ^a ^b Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 136-138.
93. [^] Nguyễn Thanh Liêm (2006), tr. 8.
94. [^] [Nhân vật lịch sử con người Đồng Tháp, Nguyễn Thành Giung](#)
95. [^] [“Viện Việt-Học”](#). Truy cập 5 tháng 1 năm 2010.
96. [^] ["Y Khoa Đại Học Saigon: Nhìn lại 60 năm lịch sử" theo Thời báo Onlinée](#)
97. [^] ["South Viet Nam: The Price of Honesty" báo *Timé*](#)
98. [^] ^a ^b Do, Khe Ba (1995), tr.9-10.
99. [^] [“Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Định”](#). Truy cập 5 tháng 1 năm 2010.
100. [^] [“Thư viện Giáo án Điện tử”](#). Truy cập 5 tháng 1 năm 2010.
101. [^] Deborah Shapley (tháng 8 năm 1975). [“Science in Vietnam: The Postwar North Seeks American Assistance”](#). *Science* **189** (4204): 705-707. doi:10.1126/science.189.4204.705. <http://www.sciencemag.org/cgi/content/citation/189/4204/705>. Truy cập 5 tháng 1 năm 2010. “[Nguyên văn tiếng Anh đoạn trích dẫn]: In science and education, unification will probably be patchy at best, since the two countries have developed along different lines for decades. But despite a host of difficulties Galston found the leaders in the North to be openly admiring of many features of science and education in the South; they planned to incorporate them in the North when the much-discussed (but still not formalized) unification takes place.”.
102. [^] [“Kỷ niệm về một ngôi trường”](#). Truy cập 16 tháng 2 năm 2010.
103. [^] [“Hãy trút cơn giận vào nơi đáng trút”](#). Truy cập 4 tháng 9 năm 2011.
104. [^] [“Văn học miền Nam”](#). Truy cập 4 tháng 9 năm 2011.

15. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thanh Liêm. [“Giáo dục ở Nam Việt Nam: Từ xưa đến hết thời Đệ nhất Cộng hòa”](#). Truy cập 18 tháng 2 năm 2010.
- Nguyễn Thanh Liêm. [“Giáo dục ở Nam Việt Nam: Từ thập niên 1970 đến 1975”](#). Truy cập 18 tháng 2 năm 2010.
- Nam Sơn Trần Văn Chi. [“Giáo dục thời Việt Nam Cộng hòa”](#). Truy cập 18 tháng 2 năm 2010.
- Nguyễn Văn Thành. [“Sự giáo dục và thi cử qua các thời đại ở Việt Nam”](#). Truy cập 18 tháng 2 năm 2010.
- Masur, Matthew B.. *Hearts and Minds: Cultural Nation-building in South Vietnam, 1954-1963*. Ohio State University.
- Nguyen Ngoc Bich et al.. *An Annotated Atlas of the Republic of Viet-Nam*. Washington, D.C.: Embassy of Viet-Nam.
- Nguyen Van Canh. *Vietnam Under Communism, 1975-1982*. Stanford, California: Hoover Institution of Stanford University.
- Sales, Jeanne M.. *Guide to Viet-Nam*. Sài Gòn: American Women's Association of Saigon.
- Smith, Harvey; et al.. *Area Handbook for South Vietnam*. Washington, D.C.: U.S. Government Printing Office.
- Nguyễn Thanh Liêm. *Giáo dục ở miền Nam tự do trước 1975 (Education in South Vietnam before 1975)*. California: Lê Văn Duyệt Foundation.
- [“Primary Education”](#) (PDF). *Viet-Nam Info* **16**. tháng 11 năm 1969. <http://www.vietnam.ttu.edu/star/images/1653/16530102013.pdf>. Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
- [“Can Tho University”](#) (PDF). *Viet-Nam Info* **18**. tháng 11 năm 1969. <http://www.vietnam.ttu.edu/star/images/232/2322014002.pdf>. Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.
- [“Higher Education: University of Hue”](#) (PDF). *Viet-Nam Info* **27**. tháng 3 năm 1970. <http://www.vietnam.ttu.edu/star/images/1653/16530101018.pdf>. Truy cập 4 tháng 2 năm 2010.

- “[Secondary Education in Viet-Nam](#)” (PDF). *Viet-Nam Info* **36**. tháng 10 năm 1970. <http://www.vietnam.ttu.edu/star/images/1653/16530102009.pdf>. Truy cập **4 tháng 2** năm **2010**.
- Do, Khe Ba (1995). “[The Difficult Path Toward an Integrated University and Community College System in Vietnam](#)”. Truy cập 18 tháng 2 năm 2010. In trong: Yee, Albert H. (ed.), *East Asia Higher Education: Traditions and Transformations* (Oxford: Pergamon, 1995), tr. 135-154.
- Do, Khe Ba (Luận án Tiến sĩ, 1970). *The Community Junior College Concept: A Study of Its Relevance to Postwar Reconstruction in Vietnam*. Los Angeles, California: University of Southern California.

16. Liên kết ngoài

- [Giáo dục Việt Nam Cộng hòa](#) (ảnh tư liệu): [trang 1](#), [trang 2](#), [trang 3](#), [trang 4](#), [trang 5](#), [trang 6](#), và [trang 7](#).
- [Trường Trung học Kiểu mẫu Huế](#); ảnh [tư liệu](#).
- [Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức](#).
- [Viện Đại học Minh Đức](#); ảnh [tư liệu](#).
- [Trường Nông Lâm Sóc](#).
- [Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ](#) (ảnh tư liệu).
- [Trường Quốc gia Nghĩ tử](#); ảnh [công trường](#).